LỊCH HỌC THỰC HÀNH

TUẦN: 34 ***Từ ngày:*** ***26/04/2021*** ***đến ngày:*** ***02/05/2021***

ĐƠN VỊ: KHOA ĐIỆN TỬ

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
01	ĐTVT	ĐH	13	202020803159001	01	02	34	Thiết kế vi mạch số			2	1606A1											Tống Văn Luyên
02	ĐTVT	ĐH	13	202020803159001	02	02	35	Thiết kế vi mạch số					1	1606A1	1	1606A1							Tống Văn Luyên
03	ĐTVT	ĐH	13	202020803159003	02	02	34	Thiết kế vi mạch số					2	1606A1	2	1606A1							Tống Văn Luyên
04	ĐTVT	ĐH	13	202020803171001	03	03	25	TH Kỹ thuật truyền dẫn			1	1606A1											Nguyễn Tuấn Anh
05	ĐTVT	ĐH	13	202020803171001	01	03	25	TH Kỹ thuật truyền dẫn	2	1606A1													Nguyễn Tuấn Anh
01	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033001	03		25	Thiết bị điện tử CN			1	1503A1			2	1503A1							Trương Thị Bích Liên
02	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033004	3		22	Thiết bị điện tử CN							1	1503A1							Trương Thị Bích Liên
03	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033007	3		22	Thiết bị điện tử CN	2	1503A1													Trương Thị Bích Liên
04	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033007	2		23	Thiết bị điện tử CN	1	1503A1													Trương Thị Bích Liên
05	ĐTCN	ĐH	12	202020803101001	1		28	Biến đổi AC/DC															Trương Thị Bích Liên
06	ĐTCN	ĐH	14	20202JC5166001	3		25	dụng PLC và thiết kế màn	1	1502A1					1	1506A1							Bùi Thị Thu Hà
07				20202JC5166001	1		25	dụng PLC và thiết kế màn	2	1502A1	2	1502A1			2	1506A1							Bùi Thị Thu Hà
08	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033006	1		25	Thiết bị điện tử CN					2	1506A1									Hà Thị Kim Duyên
09	ĐTCN	ĐH	12	202020803126001	01		18	Thiết bị điện tử CN	1	1506A1													Hà Thị Kim Duyên
10	ĐTCN	ĐH	12	202020803126001	02		18	Thiết bị điện tử CN	2	1506A1													Hà Thị Kim Duyên
11	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033006	03	01	26	Thiết bị điện tử CN							1	1502A1							Nguyễn Tiến Kiệm
12	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033006	03	01	26	Thiết bị điện tử CN					2	1502A1	2	1502A1							Nguyễn Tiến Kiệm
13	ĐTCN	ĐH	14	20202FE6033006	2,3	02	26	Thiết bị điện tử CN			3	1502A1	3	1502A1	3	1502A1							Nguyễn Tiến Kiệm
01	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037001	1	1	25	TH điện tử tương tự	2	1403A1													Hà Thị Phương
02	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037002	1	1	26	TH điện tử tương tự	1	1406A1													Lê Mạnh Long

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
03	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037003	1	1	25	TH điện tử tương tự							2	1403A1							Trần Xuân Phương
04	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037004	1	1	25	TH điện tử tương tự	1	1403A1													Hà Thị Phương
05	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037005	1	1	25	TH điện tử tương tự					2	1403A1									Trần Xuân Phương
06	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037006	1	1	25	TH điện tử tương tự							1	1403A1							Trần Xuân Phương
07	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037007	1	1	25	TH điện tử tương tự															Lê Thị Trang
08	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037008	1	1	25	TH điện tử tương tự					1	1404A1									Nguyễn Ngọc Anh
09	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037009	1	1	25	TH điện tử tương tự															Nguyễn Ngọc Anh
10	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037010	1	1	25	TH điện tử tương tự			1	1406A1											Nguyễn Đắc Hải
11	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037011	1	1	25	TH điện tử tương tự															Nguyễn Ngọc Anh
12	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037012	1	1	25	TH điện tử tương tự	2	1406A1													Lê Mạnh Long
13	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037013	1	1	25	TH điện tử tương tự					2	1404A1									Nguyễn Ngọc Anh
14	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037014	1	1	25	TH điện tử tương tự					1	1403A1									Trần Xuân Phương
15	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037015	1	1	25	TH điện tử tương tự															Trần Xuân Phương
16	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037016	1	1	25	TH điện tử tương tự									1						Trần Đình Thông
17	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037017	1	1	25	TH điện tử tương tự									2						Trần Đình Thông
18	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037018	1	1	25	TH điện tử tương tự															Trần Xuân Phương
19	KTĐT	ĐH	14	202020803160001	1	1	25	Thực hành điện tử			1	1405A1											Lê Thị Trang
20	KTĐT	ĐH	14	202020803160002	1	1	25	Thực hành điện tử			2	1402A1											Vũ Thị Hoàng Yến
21	KTĐT	ĐH	14	202020803160003	1	1	25	Thực hành điện tử			3	1402A1											Vũ Thị Hoàng Yến
22	KTĐT	ĐH	14	202020803160004	1	1	25	Thực hành điện tử							1	1405A1							Phạm Thị Thanh Huyền
23	KTĐT	ĐH	14	202020803160005	1	1	25	Thực hành điện tử							2	1405A1							Phạm Thị Thanh Huyền
24	KTĐT	ĐH	14	202020803160007	1	1	25	Thực hành điện tử					1	1402A1									Đặng Cẩm Thạch
25	KTĐT	ĐH	14	202020803160009	1	1	25	Thực hành điện tử					2	1402A1									Đặng Cẩm Thạch
27	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002001	2	1	25	Điện tử số (phần TH)			3	1404A1											Nguyễn Ngọc Anh

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
28	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002001	3	1	22	Điện tử số (phần TH)			2	1404A1											Nguyễn Ngọc Anh
29	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002002	3	1	21	Điện tử số (phần TH)			1	1404A1											Nguyễn Ngọc Anh
30	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002003	1	1	24	Điện tử số (phần TH)					2	1405A1									Nguyễn Thị Thu Hà
31	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002003	2	1	24	Điện tử số (phần TH)							1	1404A1							Nguyễn Thị Thu Hà
32	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002004	1	1	23	Điện tử số (phần TH)					1	1405A1									Nguyễn Thị Thu Hà
33	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002004	2	1	25	Điện tử số (phần TH)							2	1404A1							Nguyễn Thị Thu Hà
34	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002007	1	1	23	Điện tử số (phần TH)	3	1404A1													Nguyễn Ngọc Anh
35	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002007	2	1	25	Điện tử số (phần TH)	1	1404A1													Nguyễn Ngọc Anh
36	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002007	2	1	22	Điện tử số (phần TH)	2	1404A1													Nguyễn Ngọc Anh
37	KTĐT	ĐH	14	20202FE6014003(ô tô)	1	3	25	Kỹ thuật điện tử (phần TH)					1	1406A1									Hà Thị Phương
40	KTĐT	ĐH	14	202020803136001	3	3	26	Xử lý số tín hiệu	1	1505A1													Phạm Thị Thanh Huyền
41	KTĐT	ĐH	14	20202FE6014001(ô tô)	1	3	23	Kỹ thuật điện tử (phần TH)			2	1405A1											Phạm Thị Thanh Huyền
42	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002005	1	3	25	Điện tử số							1	1402A1							Đặng Cẩm Thạch
43	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002005	2	3	25	Điện tử số							2	1402A1							Đặng Cẩm Thạch
44	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002005	03	3	25	Điện tử số			1	1402A1											Đặng Cẩm Thạch
45	KTĐT	ĐH	14	20202FE6002006	3	3	25	Điện tử số			2	1403A1											Đặng Cẩm Thạch
46	KTĐT	ĐH	14	20202FE6021003	1,2,3	3	75	KTX-S	2	1402A1													Đặng Cẩm Thạch
47	KTĐT	ĐH	14	20202FE6014006	1	3		Kỹ thuật điện tử (phần TH)					2	1406A1									Lê Mạnh Long
48	KTĐT	CĐ	21	20202JC5174002	1	3	23	Thực hành vi điều khiển					1	1505A1	1	1505A1							Nguyễn Đắc Hải
49	KTĐT	CĐ	21	20202JC5174002	1	3	23	Thực hành vi điều khiển	2	1505A1	2	1505A1	2	1505A1	2	1505A1							Nguyễn Đắc Hải
50	KTĐT	CĐ	19	JC5041	01	01	03	Mạch Điện tử tương tự					2	1407A1	2	1406A1							Hà Thị Phương
51	KTĐT	ĐH	12	202020803122001	01	01	07	Mach Điện tử 2					3	1405A1	3	1405A1							Nguyễn Thị Thu Hà
52	KTĐT	ĐH	12	202020803121001	01	01	03	Mach Điện tử 1	1	1402A1													Đặng Cẩm Thạch
53	KTĐT	ĐH	12	202020803119001	01	01	03	Linh kiện điện tử							2	1407A1							Phạm Xuân Thành

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
01	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020004	01	03	25	KT vi xử lý			2	1304A1											Vũ Trung Kiên
02	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020004	02	03	25	KT vi xử lý			2	1304A1											Vũ Trung Kiên
03	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020004	03	03	25	KT vi xử lý			1	1304A1											Vũ Trung Kiên
04	ĐTMT	CĐ	19	20202JC5097001	01	01	01	Kiến trúc máy tính và vi xử lý					1	1203A1	1	1203A1							Vũ Trung Kiên
05	ĐTMT	CĐ	19	20202JC5097001	01	01	01	Kiến trúc máy tính và vi xử lý	2	1203A1													
06	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007003	02	03	24	khiển bằng máy tính"	1	1305A1													Nguyễn Thị Thu
07	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007003	02	03	24	khiển bằng máy tính"	2	1303A1													Nguyễn Thị Thu
08	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007003	03	03	24	khiển bằng máy tính					1	1303A1									Nguyễn Thị Thu
09	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007003	03	03	24	khiển bằng máy tính"							1	1303A1							Nguyễn Thị Thu
10	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6017001	01	03	20	Kỹ thuật lập trình C					1	1504A1									Đào Thị Phương Mai
11	ĐTMT	ĐH	14	202020803151001	02	03	25	Kỹ thuật lập trình							2	1303A1							Đào Thị Phương Mai
12	ĐTMT	ĐH	14	202020803151001	01	03	25	Kỹ thuật lập trình					2	1306A1									Đào Thị Phương Mai
13	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007006	02	03	24	Đo lường ĐK BMT							2	1504A1							Phạm Văn Chiến
14	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007006	03	03	24	Đo lường ĐK BMT	1	1504A1													Phạm Văn Chiến
15	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007005	01	03	24	Đo lường ĐK BMT							1	1504A1							Phạm Văn Chiến
16	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007005	03	03	24	Đo lường ĐK BMT					2	1504A1									Phạm Văn Chiến
17	ĐTMT	ĐH	13	202020803116002	02	03	25	Kỹ thuật vi điều khiển	2	1504A1													Phạm Văn Chiến
18	ĐTMT	ĐH	13	202020803116002	03	03	25	Kỹ thuật vi điều khiển			1	1504A1											Phạm Văn Chiến
19	ĐTMT	CĐ	21	20202JC5174002	03	03	25	TH Vi điều khiển	1	1304A1													Nguyễn Văn Tùng
20	ĐTMT	CĐ	21	20202JC5174002	03	03	25	TH Vi điều khiển	2	1304A1													Nguyễn Văn Tùng
21	ĐTMT	CĐ	21	20202JC5174002	03	03	25	TH Vi điều khiển					1	1304A1	1	1304A1							Nguyễn Văn Tùng
22	ĐTMT	CĐ	21	20202JC5174002	03	03	25	TH Vi điều khiển					2	1304A1									Nguyễn Văn Tùng
23	ĐTMT	CĐ	20	20202JC5103001	01	01	03	Kỹ thuật vi điều khiển			1	1203A1											Nguyễn Văn Tùng
24	ĐTMT	CĐ	20	20202JC5103001	01	01	03	Kỹ thuật vi điều khiển			2	1203A1											Nguyễn Văn Tùng

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
25	ĐTMT	ĐH	13	20202083159002	01	02	35	Thiết kế vi mạch số	1	1302A1	2	1302A1											Phạm Thị Quỳnh Trang
26	ĐTMT	ĐH	13	20202083159002	02	02	35	Thiết kế vi mạch số			1	1302A1	2	1302A1									Phạm Thị Quỳnh Trang
27	ĐTMT	ĐH	13	202020803153001	02	02	35	Lập trình mạng							1	1302A1							Phạm Thị Quỳnh Trang
28	ĐTMT	ĐH	13	202020803153001	02	02	35	Lập trình mạng	2	1302A1													Phạm Thị Quỳnh Trang
29	ĐTMT	ĐH	13	202020803153002	02	02	35	Lập trình mạng							2	1302A1							Phạm Thị Quỳnh Trang
30	ĐTMT	ĐH	12	202020803135002	01	02	35	Vi mạch số lập trình					1	1302A1									Phạm Thị Quỳnh Trang
31	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007002	01	03	25	Đo lường ĐK BMT					2	1305A1									Nguyễn Anh Dũng
32	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007002	02	03	25	Đo lường ĐK BMT							1	1305A1							Nguyễn Anh Dũng
33	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007001	02	03	25	Đo lường ĐK BMT			2	1305A1											Nguyễn Anh Dũng
34	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007001	03	03	25	Đo lường ĐK BMT					1	1305A1									Nguyễn Anh Dũng
35	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6007001	03	03	25	Đo lường ĐK BMT	1	1303A1													Nguyễn Anh Dũng
36	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020001	01	03	25	[illegible] tính	2	1305A1													Nguyễn Anh Dũng
37	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020001	03	03	25	[illegible] tính			3	1305A1											Nguyễn Anh Dũng
38	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020002	03	03	25	[illegible] tính			1	1305A1											Nguyễn Anh Dũng
39	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6020002	02	03	25	[illegible] tính					3	1305A1	3	1305A1							Nguyễn Anh Dũng
40	ĐTMT	ĐH	13	20202FE6043003	03	03	23	Vi điều khiển nâng cao			2	1504A1											Lê Anh Tuấn
41	ĐTMT	CĐ	21	20202JC5174002	02	03	25	TH Vi điều khiển	1	1306A1	1	1303A1											Lê Anh Tuấn
42	ĐTMT	CĐ	21	20202JC5174002	02	03	25	TH Vi điều khiển	2	1306A1													Lê Anh Tuấn
43	ĐTMT	CĐ	19	JC5031.1	01	01	02	TH kỹ thuật lập trình	1	1301A1													Dương Thị Hằng
44	ĐTMT	CĐ	19	JC5031.1	01	01	02	TH kỹ thuật lập trình			2	1301A1											Dương Thị Hằng
45	ĐTMT	ĐH	25	202020803113001	01	03	25	[illegible] nhúng			1	1306A1											Dương Thị Hằng